

Số: 1631 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 24 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án đơn giản hóa để triển khai thực hiện đối với thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đất đai, Môi trường, Tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 14/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019 và làm cơ sở triển khai thực hiện những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 409/TTr-STNMT ngày 19/9/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án đơn giản hóa để triển khai thực hiện đối với 18 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đất đai, Môi trường, Tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau, với nội dung như sau:

1. Lĩnh vực Đất đai

1.1. Thủ tục: Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo (số hồ sơ TTHC công khai: CMU-290752)

Tiếp tục cắt giảm thời hạn giải quyết của thủ tục hành chính từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc (giảm 02/07 ngày, tỷ lệ cắt giảm 28,57%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ

tại xã, thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật và thời gian trưng cầu giám định. Đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.

1.2. Thủ tục: Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu (số hồ sơ TTHC công khai: CMU-290760)

Tiếp tục cắt giảm thời hạn giải quyết của thủ tục hành chính từ 3,5 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc (giảm 0,5/3,5 ngày, tỷ lệ cắt giảm 14,29%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

1.3. Thủ tục: Tách thửa hoặc hợp thửa đất (số hồ sơ TTHC công khai: CMU-290761)

Tiếp tục cắt giảm thời hạn giải quyết của thủ tục hành chính từ 12 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc (giảm 02/12 ngày, tỷ lệ cắt giảm 16,67%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

1.4. Thủ tục: Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (số hồ sơ TTHC công khai: CMU-290763)

Tiếp tục cắt giảm thời hạn giải quyết của thủ tục hành chính từ 09 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc (giảm 01/09 ngày, tỷ lệ cắt giảm 11,11%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

1.5. Thủ tục: Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở (số hồ sơ TTHC công khai: CMU-290770)

Tiếp tục cắt giảm thời hạn giải quyết của thủ tục hành chính từ 16 ngày làm việc xuống còn 14 ngày làm việc (giảm 02/16 ngày, tỷ lệ cắt giảm 12,5%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp là chủ dự án.

Đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng: 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2. Lĩnh vực Môi trường

2.1. Thủ tục: Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (số hồ sơ TTHC công khai: T-CMU-288157-TT)

- Tiếp tục cắt giảm thời hạn giải quyết của thủ tục hành chính từ 09 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc (giảm 01/09 ngày, tỷ lệ cắt giảm 11,11%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trong trường hợp đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại thuộc đối tượng tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại trong khuôn viên cơ sở phát sinh chất thải nguy hại cắt giảm từ 22 ngày làm việc xuống còn 21 ngày làm việc (giảm 01/22 ngày, tỷ lệ cắt giảm 4,55%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Nâng mức thực hiện dịch vụ công trực tuyến từ mức độ 3 lên mức độ 4.

2.2. Thủ tục: Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (số hồ sơ TTHC công khai: T-CMU-288158-TT)

- Tiếp tục cắt giảm thời hạn giải quyết của thủ tục hành chính từ 09 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc (giảm 01/09 ngày, tỷ lệ cắt giảm 11,11%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trong trường hợp đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại thuộc đối tượng tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải nguy hại trong khuôn viên cơ sở phát sinh chất thải nguy hại cắt giảm từ 22 ngày làm việc xuống còn 21 ngày làm việc (giảm 01/22 ngày, tỷ lệ cắt giảm 4,55%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Nâng mức thực hiện dịch vụ công trực tuyến từ mức độ 3 lên mức độ 4.

2.3. Thủ tục: Chấp thuận tách đầu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh (số hồ sơ TTHC công khai: T-CMU-288142-TT)

Tiếp tục cắt giảm thời hạn giải quyết của thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc (giảm 03/15 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2.4. Thủ tục: Chấp thuận điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao (số hồ sơ TTHC công khai: T-CMU-288143-TT)

Tiếp tục cắt giảm thời hạn giải quyết của thủ tục hành chính từ 18 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc (giảm 03/18 ngày, tỷ lệ cắt giảm 16,67%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2.5. Thủ tục: Xác nhận hoàn thành từng phần Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (số hồ sơ TTHC công khai: T-CMU-288146-TT)

Tiếp tục cắt giảm thời hạn giải quyết của thủ tục hành chính từ 20 ngày làm việc xuống còn 18 ngày làm việc (giảm 02/20 ngày, tỷ lệ cắt giảm 10%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

3. Lĩnh vực Tài nguyên nước

3.1. Thủ tục: Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm (số hồ sơ TTHC công khai: CMU-291158)

Tiếp tục cắt giảm thời hạn giải quyết của thủ tục hành chính từ 22 ngày làm việc xuống còn 20 ngày làm việc (giảm 02/22 ngày, tỷ lệ cắt giảm 9,09%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp chỉnh sửa, bổ sung sau thẩm định 12 ngày làm việc.

3.2. Thủ tục: Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm (số hồ sơ TTHC công khai: CMU-291159)

Tiếp tục cắt giảm thời hạn giải quyết của thủ tục hành chính từ 17 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc (giảm 02/17 ngày, tỷ lệ cắt giảm 11,76%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp chỉnh sửa, bổ sung sau thẩm định 12 ngày làm việc.

3.3. Thủ tục: Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (số hồ sơ TTHC công khai: CMU-291167)

Tiếp tục cắt giảm thời hạn giải quyết của thủ tục hành chính từ 07 ngày làm việc xuống còn 06 ngày làm việc (giảm 01/07 ngày, tỷ lệ cắt giảm 14,29%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

3.4. Thủ tục: Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m³/ngày đêm (số hồ sơ TTHC công khai: CMU-291162)

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ, thẩm định đề án, báo cáo: Tiếp tục cắt giảm thời hạn giải quyết của thủ tục hành chính từ 25 ngày làm việc xuống còn 20 ngày làm việc (giảm 05/25 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 15 ngày làm việc.

- Thời hạn trả quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế tỉnh Cà Mau, kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

3.5. Thủ tục: Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m³/ ngày đêm (số hồ sơ TTHC công khai: CMU-291163)

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ, thẩm định báo cáo: Tiếp tục cắt giảm thời hạn giải quyết của thủ tục hành chính từ 18 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc (giảm 03/18 ngày, tỷ lệ cắt giảm 16,67%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh 15 ngày làm việc.

3.6. Thủ tục: Cấp lại giấy phép tài nguyên nước (số hồ sơ TTHC công khai: T-CMU-288902-TT)

Tiếp tục cắt giảm thời hạn giải quyết của thủ tục hành chính từ 09 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc (giảm 02/09 ngày, tỷ lệ cắt giảm 22,22%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

3.7. Thủ tục: Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (số hồ sơ TTHC công khai: CMU-291062)

- Thời hạn thẩm định hồ sơ và phê duyệt tiền cấp quyền: Tiếp tục cắt giảm thời hạn giải quyết của thủ tục hành chính từ 22 ngày làm việc xuống còn 17 ngày làm việc (giảm 05/22 ngày, tỷ lệ cắt giảm 22,73%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Thời hạn gửi thông báo: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục Thuế tỉnh Cà Mau kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Nâng mức thực hiện dịch vụ công trực tuyến từ mức độ 3 lên mức độ 4.

3.8. Thủ tục: Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (số hồ sơ TTHC công khai: CMU-291061)

- Tiếp tục cắt giảm thời hạn giải quyết của thủ tục hành chính từ 17 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc (giảm 07/17 ngày, tỷ lệ cắt giảm 41,18%), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Nâng mức thực hiện dịch vụ công trực tuyến từ mức độ 3 lên mức độ 4.

4. Lý do đơn giản hóa (tại khoản 1, 2 và khoản 2, Điều 1 Quyết định này)

Tiếp tục cắt giảm thời hạn giải quyết và nâng mức thực hiện dịch vụ công trực tuyến của thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian, giảm chi phí tuân thủ quy định về thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện; đồng thời, nâng cao trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức cá nhân trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Tổ chức triển khai thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng thời hạn đã được cắt giảm, đơn giản hóa tại Điều 1, Quyết định này.

- Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh), Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật, bổ sung, hoàn chỉnh đầy đủ

quy trình nội bộ, liên thông và điện tử lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh đối với 18 thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 và công bố tại Điều 1 Quyết định này; khẩn trương hoàn thành xong trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực thi hành.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân cập nhật, điều chỉnh thời hạn giải quyết của thủ tục hành chính đã được cắt giảm, đơn giản hóa tại Điều 1, Quyết định này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính để triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ và thực hiện nghiêm yết công khai thủ tục hành chính theo đúng quy định.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau tổ chức tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính (1.4. Thủ tục: Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (số hồ sơ TTHC công khai: CMU-290763)) theo đúng thời hạn đã được cắt giảm, đơn giản hóa tại Điều 1, Quyết định này và thực hiện nghiêm yết công khai thủ tục hành chính theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (VIC);
- Thủ tướng Chính phủ (báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh (VIC);
- Các sở, ban, ngành tỉnh (VIC);
- Các PVP UBND tỉnh (VIC);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (VIC);
- CCHC (Đời121, VIC);
- Lưu: VT.



Lê Văn Sử